

Bản án số: 45/2023/KDTM-ST

Ngày: 27-9-2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng góp vốn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Xuân Mai

2. Ông Hoàng Văn Định

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Sương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 462/2018/TLST-KDTM ngày 03 tháng 4 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp vốn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2023/QĐXXST-KDTM ngày 14 tháng 08 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 176/2023/QĐST-KDTM ngày 05/9/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty TNHH TA

Trụ sở: Số 6A Đường C, Phường N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thu N – Giám đốc

(Có mặt)

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Sự kiện M

(tên cũ: Công ty TNHH Q&Q)

Trụ sở: Tầng 14, tòa nhà A, 412 Đường C, Phường 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thu T - đại diện theo giấy ủy quyền số 22/UQ-MT ngày 22/9/2023

(Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Võ Thị Như Q là Luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh

(Có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Lê Thúy H, sinh năm 1966
Địa chỉ: Số 5B Đường H, Phường 2, quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí.
(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2018, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được nguyên đơn Công ty TNHH TA trình bày:

Vào ngày 31/7/2017, Công ty TNHH TA (gọi tắt là Công ty TA) và Công ty TNHH Quốc Tế và Giải Trí W gọi tắt là (Công ty We) đã ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2017/WE-TIPSY, theo đó Công ty TNHH Quốc Tế và Giải Trí W giao mặt bằng có diện tích khoảng 200m² tại sân thượng căn nhà số 172H đường N, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, để Công ty TNHH TA làm văn phòng làm việc, địa điểm giao dịch và các hoạt động kinh doanh thương mại; Công ty TNHH Quốc Tế và Giải Trí W sẽ được quyền bán nước cho khách hàng của Công ty TNHH TA tại mặt bằng này với doanh thu cố định là 30.000.000đồng/tháng (*chưa có VAT*). Doanh thu này sẽ được Công ty TNHH TA thanh toán cho Công ty TNHH Quốc Tế và Giải Trí W theo định kỳ 03 tháng/lần, thanh toán từ ngày 01 đến ngày 05 tháng đầu của kỳ thanh toán.

Theo hợp đồng này, Công ty TNHH TA phải đặt cọc cho Công ty TNHH Quốc Tế và Giải Trí W số tiền là 180.000.000 đồng và phải thanh toán trước 02 tháng doanh thu (*từ ngày 01/9/2017 đến 31/10/2017*) là 66.000.000 đồng. Công ty TNHH Quốc Tế và Giải Trí W phải có trách nhiệm chuẩn bị, cung cấp các giấy tờ pháp lý liên quan tới căn nhà để xin Giấy phép sửa chữa mặt bằng theo đúng quy định.

Sau khi ký kết hợp đồng, mặc dù Công ty TNHH TA đã thanh toán cho Công ty TNHH Quốc Tế và Giải Trí W đủ số tiền là 246.000.000đồng (*bao gồm: đồng đã thanh toán trước vào ngày 15/7/2017 và 236.000.000 đồng được thanh toán vào ngày 04/8/2017*), trong đó có: 180.000.000 đồng tiền đặt cọc và 66.000.000 đồng tiền doanh thu 02 tháng; nhưng Công ty TNHH Quốc Tế và Giải Trí W đã không chuẩn bị cung cấp đầy đủ các giấy tờ pháp lý liên quan để xin Giấy phép sửa chữa mặt bằng theo quy định. Vì vậy, Công ty TNHH TA không thể tiến hành việc sửa chữa mặt bằng và hoạt động kinh doanh của mình.

Do Công ty TNHH Quốc Tế và Giải Trí W không cung cấp cho Công ty TNHH TA đầy đủ các giấy tờ pháp lý liên quan tới căn nhà để xin Giấy phép sửa chữa. Do đó, Công ty TNHH TA đã có văn bản yêu cầu Công ty TNHH Quốc Tế và Giải Trí W phải hoàn trả cho Công ty TNHH TA toàn bộ số tiền đã nhận. Thế nhưng, Công ty TNHH Quốc Tế và Giải Trí W đã từ chối, không thương lượng giải quyết.

Vì vậy, Công ty TNHH TA đã có đơn khởi kiện yêu cầu buộc Công ty TNHH Quốc Tế và Giải Trí W phải thanh toán cho Công ty TNHH TA các khoản tiền sau đây:

- Hoàn trả khoản tiền đặt cọc: 180.000.000 đồng;
- Thanh toán khoản tiền phạt cọc: 180.000.000 đồng;

- Hoàn trả khoản tiền thanh toán trước 02 tháng doanh thu: 66.000.000 đồng;
Tổng cộng: 426.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi sáu triệu đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn phải trả khoản tiền phạt cọc 180.000.000 đồng. Nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán cho nguyên đơn các khoản sau:

- Tiền cọc: 180.000.000 đồng

- Tiền thanh toán trước 02 tháng doanh thu: 66.000.000 đồng.

Tổng cộng: 246.000.000 đồng.

Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại các biên bản hòa giải, bị đơn Công ty TNHH Quốc Tế và Giải Trí W (nay là: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Sự kiện M) trình bày:

Vào ngày 31/7/2017, Công ty TA và Công ty We đã ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2017/WE-TIPSY, với nội dung thỏa thuận như sau: Hai bên hợp tác kinh doanh mặt bằng tại sân thượng căn nhà số 172H đường N, Phường 6, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh. Công ty TA sử dụng mặt bằng làm văn phòng làm việc, địa điểm giao dịch và các hoạt động kinh doanh thương mại; Công ty We sẽ được quyền bán nước cho khách hàng của Công ty TA tại Mặt bằng với doanh thu cố định là 30.000.000đồng/tháng (chưa có VAT).

Doanh thu này sẽ được Công ty TA thanh toán cho Công ty We theo định kỳ 03 tháng/lần, thanh toán từ ngày 01 đến ngày 05 tháng đầu của kỳ thanh toán.

Theo hợp đồng này, Công ty TA đã đặt cọc cho Công ty We số tiền là 180.000.000 đồng và thanh toán trước 02 tháng doanh thu (từ ngày 01/9/2017 đến 31/10/2017) là 66.000.000 đồng.

Theo thỏa thuận hợp đồng thì bị đơn có trách nhiệm cung cấp các hồ sơ pháp lý để nguyên đơn tự tiến hành xin giấy phép xây dựng, cải tạo mặt bằng thuê. Tuy nhiên trong quá trình xin phép do các bên không thống nhất được về cách thức xin giấy phép, và nguyên đơn thay đổi ý kiến liên tục, đồng thời nguyên đơn không thực hiện theo phương án các bên đã thống nhất tại buổi làm việc ngày 14/11/2017 (*không có biên bản làm việc*) nên nguyên đơn được cho là đã đơn phương chấm dứt hợp đồng đã ký kết. Do đó nguyên đơn bị mất tiền cọc và số tiền đã thanh toán trước cho bị đơn. Cơ sở cho ý kiến này được quy định tại Điều 5.2.2g của hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Bị đơn xác định chủ sở hữu của căn nhà 172H Đường N, Phường 6, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh là bà Lê Thúy Hằng. Tại thời điểm các bên ký hợp đồng hợp tác đầu tư, bị đơn có cung cấp cho nguyên đơn giấy ủy quyền của bà Hằng về việc xin cấp phép xây dựng. Tuy nhiên, đến nay bị đơn không thể cung cấp cho Tòa án biên bản bàn giao hay các tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến nội dung này.

Mặt bằng 172H đường N, Phường 6, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh kể từ khi các bên ký hợp đồng đến nay, do chưa xin được giấy phép xây dựng nên vẫn chưa được bàn giao cho phía nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thúy H mặc dù đã được Tòa án tổng đạt triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Công ty TNHH TA có bà Bùi Thu N là người đại diện theo pháp luật trình bày: Sau khi ký kết hợp đồng thì Công ty MT (Công ty W) cũng chưa bàn giao mặt bằng cho Công ty TA nên không có tranh chấp gì đối với việc giao nhận mặt bằng. Hiện nay, cả hai bên đều rất khó khăn về tài chính. Để tạo điều kiện cho Công ty Minh Triết, Công ty TA chỉ yêu cầu Công ty Minh Triết trả lại cho Công ty TA một phần số tiền cọc là 160.000.000 đồng khi thanh lý hợp đồng với phương thức trả như sau:

Ngày 27/9/2023 thanh toán số tiền 20.000.000 đồng (ngay sau khi kết thúc phiên tòa).

Ngày 30/10/2023 thanh toán số tiền 10.000.000 đồng;

Ngày 30/11/2023 thanh toán số tiền 10.000.000 đồng;

Ngày 30/12/2023 thanh toán số tiền 10.000.000 đồng;

Ngày 30/01/2024 thanh toán số tiền 10.000.000 đồng;

Ngày 28/02/2024 thanh toán số tiền 10.000.000 đồng;

Ngày 30/03/2024 thanh toán số tiền 10.000.000 đồng;

Ngày 30/4/2024 thanh toán số tiền 10.000.000 đồng;

Ngày 30/5/2024 thanh toán số tiền 10.000.000 đồng;

Ngày 30/6/2024 thanh toán số tiền 10.000.000 đồng;

Ngày 30/7/2024 thanh toán số tiền 10.000.000 đồng;

Ngày 30/8/2024 thanh toán số tiền 10.000.000 đồng;

Ngày 30/9/2024 thanh toán số tiền 10.000.000 đồng;

Ngày 30/10/2024 thanh toán số tiền 10.000.000 đồng;

Ngày 30/11/2024 thanh toán số tiền còn lại là 10.000.000 đồng.

Trường hợp bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với bất kỳ đợt thanh toán nào đã nêu trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn phải thanh toán ngay toàn bộ số tiền nợ còn lại.

Nguyên đơn tự nguyện chịu ½ tiền án phí.

Đối với yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả tiền phạt cọc 180.000.000 đồng và tiền thanh toán trước 02 tháng doanh thu 66.000.000 đồng nguyên đơn xin rút lại, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Sự kiện M (tên cũ: Công ty TNHH Quốc Tế và Giải Trí W) có bà Nguyễn Thu T là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Sau khi ký kết hợp đồng thì Công ty MT (Công ty We) cũng chưa bàn giao mặt bằng cho Công ty TA. Với việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như trên Công ty Minh Triết đồng ý. Chấp nhận việc thanh lý hợp đồng và trả cho nguyên đơn số tiền 160.000.000 đồng theo phương thức như nguyên đơn đã đưa ra.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Võ Thị Như Quỳnh trình bày: Bị đơn chấp nhận yêu cầu mà nguyên đơn đã đưa ra, đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định chung.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thúy Hằng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Thư ký là đúng thủ tục tố tụng quy định. Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đối với các yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn xin rút đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Nguyên đơn Công ty TNHH TA khởi kiện bị đơn Công ty TNHH Quốc Tế và Giải Trí W liên quan đến hợp đồng góp vốn, đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận nên xác định là tranh chấp về kinh doanh thương mại.

Xét, tại thời điểm khởi kiện bị đơn Công ty TNHH Quốc Tế và Giải Trí W có trụ sở tại Quận 3, căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3.

Căn cứ kết quả trả lời xác minh của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh xét thấy, trong quá trình tham gia tố tụng Công ty TNHH Quốc Tế và Giải Trí W đã được đổi tên thành Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Sự kiện M và thay đổi địa chỉ nơi đóng trụ sở. Xét thấy, việc thay đổi này không làm thay đổi thẩm quyền giải quyết và Tòa án đã đưa Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Sự kiện M vào tham gia tố tụng với tư cách bị đơn là đúng qui định.

Xét, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thúy Hằng đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Hằng là đúng qui định.

Tại phiên nguyên đơn Công ty TNHH TA rút lại các yêu cầu khởi kiện gồm: Yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả tiền phạt cọc 180.000.000 đồng và yêu cầu bị đơn trả lại tiền đã ứng trước 02 tháng doanh thu 66.000.000 đồng và thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể chỉ yêu cầu bị đơn phải trả lại số tiền 160.000.000 đồng tiền đặt cọc. Xét thấy, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện và không trái với qui định của pháp luật nên cần đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu này; Đối với việc nguyên đơn thay đổi một phần yêu

cầu khởi kiện cũng không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận xem xét giải quyết là phù hợp với qui định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của đương sự.

Căn cứ vào trình bày thống nhất giữa nguyên đơn và bị đơn, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định:

Ngày 31/7/2017, Công ty TNHH TA và Công ty TNHH Quốc Tế và Giải Trí W (nay là Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Sự kiện M) đã ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2017/WE-TIPSY để hợp tác kinh doanh tại mặt bằng sân thượng căn nhà số 172H đường N, Phường 6 (nay là Phường Võ Thị Sáu), Quận 3, TP.Hồ Chí Minh.

Công ty TNHH TA đã đặt cọc cho Công ty TNHH Quốc Tế và Giải Trí W số tiền là 180.000.000 đồng và thanh toán trước 02 tháng doanh thu (từ ngày 01/9/2017 đến 31/10/2017) là 66.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền là 246.000.000 đồng. Sau khi ký kết hợp đồng các bên chưa triển khai được việc hợp tác kinh doanh được như thỏa thuận.

Vì cho rằng, bị đơn đã vi phạm hợp đồng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả lại một phần số tiền đặt cọc là 160.000.000, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự qui định: “*Những tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh: Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, ... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”.

Căn cứ khoản 2 Điều 3 Bộ luật Dân sự qui định: “*Nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự: Cá nhân, pháp nhân xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận.*”

Xét thấy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn một phần số tiền đặt cọc là 160.000.000 đồng khi hai bên thanh lý Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2017/WE-TIPSY và phía bị đơn chấp nhận không phản đối và đồng ý trả theo phương thức mà nguyên đơn đã đưa ra. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là phù hợp với nhận định cũng như căn cứ pháp luật đã viện dẫn ở trên.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xét tại phiên tòa, nguyên đơn tự nguyện chịu ½ án phí, đây là sự tự nguyện và không trái với qui định của pháp luật nên được ghi nhận.

Bị đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Sự kiện M phải có trách nhiệm chịu ½ tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 92; Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 244; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 3 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1. Thanh lý Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2017/WE-TIPSY ngày 31/7/2017 được ký kết giữa Công ty TNHH TA và Công ty TNHH Quốc Tế và Giải Trí W (*nay là Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Sự kiện M*).

2. Bị đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Sự kiện M có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 160.000.000 đồng, theo phương thức cụ thể như sau:

Ngày 27/9/2023 thanh toán số tiền 20.000.000 đồng (*ngay sau khi kết thúc phiên tòa*).

Ngày 30/10/2023 thanh toán số tiền 10.000.000 đồng.

Ngày 30/11/2023 thanh toán số tiền 10.000.000 đồng.

Ngày 30/12/2023 thanh toán số tiền 10.000.000 đồng.

Ngày 30/01/2024 thanh toán số tiền 10.000.000 đồng.

Ngày 28/02/2024 thanh toán số tiền 10.000.000 đồng.

Ngày 30/03/2024 thanh toán số tiền 10.000.000 đồng.

Ngày 30/4/2024 thanh toán số tiền 10.000.000 đồng.

Ngày 30/5/2024 thanh toán số tiền 10.000.000 đồng.

Ngày 30/6/2024 thanh toán số tiền 10.000.000 đồng.

Ngày 30/7/2024 thanh toán số tiền 10.000.000 đồng.

Ngày 30/8/2024 thanh toán số tiền 10.000.000 đồng.

Ngày 30/9/2024 thanh toán số tiền 10.000.000 đồng.

Ngày 30/10/2024 thanh toán số tiền 10.000.000 đồng.

Ngày 30/11/2024 thanh toán số tiền còn lại là 10.000.000 đồng.

Trường hợp ngày trả tiền đã ấn định trên là ngày Nghỉ, ngày Lễ thì ngày trả tiền là ngày làm việc liền kề tiếp theo.

Trường hợp bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với bất kỳ đợt thanh toán nào đã nêu trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn phải thanh toán ngay toàn bộ số tiền nợ còn lại.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và nguyên đơn có đơn yêu cầu thì hành án, nếu bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền đã nêu trên

thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chậm thanh toán.

2. Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 8.000.000 đồng.

Ghi nhận việc nguyên đơn Công ty TNHH TA tự nguyện chịu ½ tiền án phí là 4.000.000 đồng. Nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.520.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0020550 ngày 03/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, TP.Hồ Chí Minh. Sau khi căn trừ, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền là 6.520.000 đồng

Bị đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Sự kiện M phải chịu ½ tiền án phí là 4.000.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thúy Hằng được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Lưu VP, hồ sơ (Dung).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thanh Sơn